

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HS-PT

Ngày: 21/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Ngô Đức Thụ

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/HS-PT ngày 07/01/2025 đối với bị cáo Lê Thị K, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2025/QĐXXPT-HS ngày 21/01/2025, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 322/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thị K**; sinh năm 1989 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: 411/58/51 đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: C đường P, Ấp C (Ấp D cũ), xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên phục vụ quán ăn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: không;

Cấm đi khỏi nơi cư trú: 23/52024;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Lan O**; luật sư của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV L, Đoàn luật sư Thành phố H; vắng mặt.

Bị cáo không có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tuấn T**; sinh năm 1987; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần T3 (gọi tắt là Công ty T3) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần T3 (mã số doanh nghiệp: 1101837660; trụ sở chính đặt tại: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Công ty T3 có Chi nhánh đặt tại địa chỉ: số I, đường H, phường B, quận B, với tên gọi là Công ty Cổ phần T3-Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Công ty T3-Chi nhánh S).

Vào ngày 13/9/2023, bị cáo Nguyễn Tuấn T được Công ty T3 nhận vào làm việc tại Công ty T3-Chi nhánh S theo Hợp đồng lao động số 171/2023/KSM-SG/HĐLĐ/02, ngày 13/9/2023 với thời hạn 02 năm (tính từ ngày 13/9/2023), chức danh chuyên môn là Nhân viên kinh doanh, với nhiệm vụ cụ thể đó là kiểm tra các đơn hàng, số tiền khách hàng nợ, đến gặp trực tiếp khách hàng để thông báo số tiền nợ, khi khách hàng trả nợ cho Công ty T3 thì thu tiền mang về giao nộp lại cho Công ty T3. Theo quy trình làm việc thì khi có khách hàng trả nợ bằng tiền mặt, thì T phải viết phiếu thu, thể hiện số tiền khách hàng trả, còn tiền còn nợ lại, ký tên vào phiếu thu cùng với khách hàng, giao cho khách hàng 01 phiếu thu; đồng thời, phải chụp hình phiếu thu, gửi lên nhóm Zalo của Công ty T3 trước, rồi mang tiền về nộp cho Công ty T3 vào thời điểm từ 16 giờ đến 16 giờ 30 phút hàng ngày, còn nếu trễ thì phải nộp tiền vào lúc 08 giờ sáng ngày hôm sau; riêng đối với việc thu tiền nợ của 37 khách hàng tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và huyện T, tỉnh Tây Ninh thì phải nộp tiền vào tài khoản của Công ty T3 mở tại Chi nhánh ngân hàng B1. Tuy nhiên, T đã không thực hiện đúng quy định đã nêu, khi thu được tiền do khách hàng trả nợ, T đã không nộp lại đầy đủ mà tự ý giữ lại một phần sử dụng vào việc đánh bạc dưới hình thức ghi số đề.

Do có nghi vấn nên Công ty T3 đã tiến hành kiểm tra, xác minh, làm việc với khách hàng để đối chiếu công nợ thì xác định được như sau: Từ tháng 11/2023 đến ngày 05/01/2024, T đã thu 155.086.000đ của 35 khách hàng trả nợ cho Công ty T3 nhưng T chỉ nộp cho Công ty K1, T chiếm đoạt 93.941.000đ sử dụng vào việc đánh bạc và tiêu xài cá nhân. Do vậy, ngày 05/01/2024, đại diện của Công ty T3 đã đến Công an phường B, quận B trình báo sự việc.

Trong quá trình điều tra, xác định được T đã sử dụng tiền chiếm đoạt của Công ty T3 để đánh bạc với bị cáo Lê Thị K thông qua việc chơi số đề, cụ thể như sau:

T đã sử dụng tài khoản Zalo đăng ký theo số điện thoại 0767479739, nhắn tin đến tài khoản “Nga Lê” của Lê Thị K (dùng số điện thoại 0963848439 để đăng ký) để mua số đề nhiều lần. Căn cứ vào lời khai của T và K, các thông tin trích

xuất từ dữ liệu tin nhắn qua tài khoản zalo của T và K, xác định được T và K đã tham gia đánh bạc nhiều lần dưới hình thức chơi số đề như sau, cụ thể như sau:

-Ngày 14/12/2023, T mua số lô, số đề của K 02 lần với tổng số tiền là 6.770.000đ. Kết quả, T thắng cược 2.700.000đ.

-Ngày 15/12/2023, T nhả mua số lô, số đề của K 02 lần với tổng số tiền là 6.900.000đ. Kết quả, T bị thua.

- Ngày 16/12/2023, T nhả mua số lô, số đề của K 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000đ. Kết quả, T thắng 3.500.000đ.

-Ngày 17/12/2023, T nhả mua số lô, số đề của K 03 lần với tổng số tiền là 16.760.000đ. T bị thua.

-Ngày 18/12/2023, T nhả mua số lô, số đề của K 04 lần với tổng số tiền là 21.740.000đ. Kết quả, T thắng 5.400.000đ.

Qua kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng số 5415787 của T mở tại Ngân hàng TMCP Á và tài khoản 1702205275111 của K mở tại Ngân hàng N của K, đã xác định:

-T có 04 giao dịch chuyển khoản cho K với tổng số tiền 24.000.000đ, phù hợp lời khai của T và K về việc mua bán số đề, chuyển khoản trả tiền mua số đề và số tiền còn lại mà T chưa trả cho K.

Tại Cáo trạng số 309/CT-VKS, ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn T và Lê Thị K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự); riêng T còn bị truy tố về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 322/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt Nguyễn Tuấn T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản” và tội “Đánh bạc”; áp dụng các biện pháp tư pháp, tuyên án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 05/12/2024, bị cáo K có đơn kháng cáo với nội dung: Do suy nghĩ không chín chắn, bị cáo đã có hành vi phạm tội. Hoàn cảnh bị cáo hiện tại gặp khó khăn; chồng đã ly hôn, phải nuôi con nhỏ sinh năm 2011, có bà nội (bà Nguyễn Thị B) là Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 02 bác (ông Lê Văn M và Lê Tấn T1) là liệt sỹ. Do vậy, bị cáo kháng cáo xin được chuyển hình phạt tù sang cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Đồng thời, bị cáo nộp một số tài liệu chứng cứ để chứng minh bị cáo có bà nội là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 02 bác là liệt sỹ.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo có bà nội là Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 02 bác là liệt sỹ, có con nhỏ nhưng các tình tiết này chưa được xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; giảm hình phạt cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Cải tạo không giam giữ là hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù. Do vậy, cũng không có cơ sở để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về việc Luật sư Nguyễn Lan O – người bào chữa cho bị cáo – vắng mặt tại phiên tòa: Luật sư O có đơn xin vắng mặt với lý do “bận đi tỉnh về không kịp” nhưng không nộp tài liệu chứng cứ chứng minh. Không có căn cứ để xác định việc luật sư O vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt luật sư O.

[2].Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo Lê Thị K tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định:

Bị cáo Nguyễn Tuấn T là nhân viên kinh doanh của Công ty T3, làm việc theo Hợp đồng lao động số 171/2023/KSM-SG/HĐLĐ/02, ngày 13/9/2023 với thời hạn 02 năm (tính từ ngày 13/9/2023), với nhiệm vụ được giao là thu tiền của các khách hàng trả nợ cho Công ty T3, mang về giao nộp lại cho Công ty T3. Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, khi thu được tiền do các khách hàng trả, T đã không giao nộp lại đầy đủ cho Công ty T3, mà chỉ giao nộp một phần, phần còn lại thì chiếm đoạt.

Theo kết quả điều tra, xác định được như sau:

Từ tháng 11/2023 đến ngày 05/01/2024, T đã thu được 155.086.000đ của 35 khách hàng trả nợ cho Công ty T3 nhưng T chỉ nộp lại cho Công ty T3 61.145.000đ, còn lại là 93.941.000đ thì T chiếm đoạt sử dụng vào việc đánh bạc

với bị cáo Lê Thị K và tiêu xài cá nhân.

T và K đã đánh bạc với nhau thông qua hình thức chơi số đề. Theo đó, T là người mua số đề, con K là người bán số đề:

-Vào ngày 14/12/2023, T mua số đề của K 02 lần với tổng số tiền là 6.770.000đ. Kết quả, T thắng 2.700.000đ.

-Vào ngày 15/12/2023, T mua số của K 02 lần với tổng số tiền là 6.900.000đ. Kết quả, T bị thua.

-Ngày 16/12/2023, T mua số đề của K 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000đ. Kết quả, T thắng 3.500.000đ.

-Ngày 17/12/2023, T mua số đề của K 03 lần với tổng số tiền là 16.760.000đ. Kết quả, T bị thua.

-Ngày 18/12/2023, T mua số đề của K 04 lần với tổng số tiền là 21.740.000đ. Kết quả, T thắng 5.400.000đ.

Bị cáo K khai rằng, bị cáo không trực tiếp đánh bạc với T, mà bị cáo được một người tên T2 thuê ghi số đề. Tuy nhiên, bị cáo K không khai trình được rõ ràng về lai lịch của T2 nên không có cơ sở để điều tra xử lý đối với T2.

[3].Hành vi của bị cáo là nguy nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng. Bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

[4].Kháng cáo của bị cáo Lê Thị K:

Bị cáo có hành vi đánh bạc 05 lần. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự là có đúng pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Mức án mà Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đã nêu.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có nộp một số tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo có bà nội (bà Nguyễn Thị B) là Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 02 bác (ông Lê Văn M và Lê Tấn T1) là liệt sỹ. Đây là các tình tiết mới; mặt khác, bị cáo là bà mẹ đơn thân, phải nuôi con nhỏ. Do vậy, cần xem các tình tiết vừa nêu là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất, mức độ vi phạm, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm mà bị cáo được hưởng như đã nêu. Cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu, có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, bị cáo cũng có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là phạm tội

02 lần trở lên. Do vậy, việc cho bị cáo được hưởng treo là không đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Vì các lý do đã nêu, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin chuyển hình phạt tù thành cải tạo không giam giữ hoặc được hưởng án treo.

[5]. Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận các ý kiến và yêu cầu kháng cáo của bị cáo, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết kháng cáo.

[6]. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 322/2024/HS-ST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh,

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Lê Thị K 01** (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND quận Bình Tân; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng; (1)
- THA quận Bình Tân; (1)
- TAND quận Bình Tân; (1)
- Công an quận Bình Tân; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Huân